

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2017/DS-PT

Ngày: 08-11-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2017/QĐPT-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1959;

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956;

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị T là bị đơn.
- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào năm 2015, bà B cho ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T vay số tiền 59.000.000 đồng, vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vay vào ngày 10/7/2015 với số tiền 30.000.000 đồng.
- Lần thứ hai vay vào ngày 18/8/2015 với số tiền 29.000.000 đồng.

Hai bên thỏa T thời hạn vay là 01 tháng. Khi vay có lập hợp đồng mượn tiền bằng giấy tay có bà T ký tên. Mục đích vay để bà T trả nợ Ngân hàng. Sau đó đến hạn trả nợ, nhưng ông D và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay bà B yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T trả số tiền 59.000.000 đồng và tính lãi suất từ tháng 8/2015 cho đến nay theo lãi suất ngân hàng Nhà nước cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Vào ngày 10/4/2015, bà Phan Thị T có vay của bà Nguyễn Thị B số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay có lập thành văn bản. Bà T vay tiền để trả tiền nợ hụi, bà T chơi hụi để lo cuộc sống gia đình. Bà vay tiền bà B thì ông D không có biết. Bà T và ông D đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Từ khi vay bà có đóng lãi với lãi suất 800.000 đồng/10 ngày, bà đã đóng bao nhiêu tiền lãi thì bà không nhớ, khi trả lãi không có lập thành văn bản. Nay bà T không đồng ý trả bà B số tiền 59.000.000 đồng, bà T đồng ý trả bà B số tiền 20.000.000 đồng. Bà T không đồng ý ông D cùng liên đới trả nợ, vì bà vay tiền bà B sau khi đã ly thân với ông D và đây là khoản vay riêng của bà T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông D thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Phan Thị T. Ông D không biết việc bà T vay tiền bà B. Ông D và bà T đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, trong thời gian ly thân, ông và bà T sống riêng nhà. Ông D không đồng ý liên đới cùng bà Phan Thị T trả nợ vay bà Nguyễn Thị B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng) và tiền lãi là 10.620.000 đồng (mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng); tổng cộng là 69.620.000 đồng (sáu mươi chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí; quyền kháng cáo bản án; quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2017, bị đơn bà Phan Thị T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, bà T chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 21/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc bà Phan Thị T trả cho bà B số tiền 30.000.000 đồng cộng với tiền lãi tính là $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 5.400.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 35.400.000 đồng; đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà B đối với số tiền vay 29.000.000 đồng vào ngày 18/8/2015 và việc buộc ông Nguyễn Văn D liên đới với bà Phan Thị T trả nợ vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn liên đới trả số tiền vay 29.000.000 đồng vào ngày 18/8/2015 và phía bị đơn đồng ý. Bà B yêu cầu bà T, ông D liên đới trả số tiền 35.400.000 đồng (bao gồm tiền vay gốc 30.000.000 đồng và 5.400.000 đồng tiền lãi).

Bị đơn bà Phan Thị T đồng ý trả cho bà B số tiền vay 30.000.000 đồng và trả tiền lãi như bà B yêu cầu nhưng không đồng ý cùng liên đới với ông D trả số tiền nêu trên. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đồng thời, đề nghị Tòa án chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre, vì lý do: Tại phiên tòa phúc thẩm bà B rút một phần yêu

cầu khởi kiện đối với số tiền 29.000.000 đồng; nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T, ông D liên đới trả số tiền vay ngày 10/7/2015 và tiền lãi 24 tháng với lãi suất là 0,75% tính từ tháng 8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 35.400.000 đồng. Bà T đồng ý trả số tiền 35.400.000 đồng cho nguyên đơn nhưng không đồng ý cùng ông D liên đới trả nợ. Theo đó, tại biên bản xác minh ngày 01/8/2017, đại diện Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ xác nhận bà T, ông D mặc dù còn đăng ký kết hôn và đăng ký thường trú tại ấp K, xã L nhưng bà T đã về sinh sống tại xã C, huyện Đ khoảng ba đến bốn năm nay. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T và ông D cũng thống nhất trình bày đã ly thân từ khoảng năm 2012 – 2013, bà T vay tiền dùng vào mục đích cá nhân nên ông D không có nghĩa vụ trả nợ cùng bà T, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D cùng liên đới trả nợ với bà T là không phù hợp. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà B về việc buộc ông D liên đới trả nợ vay cùng bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu ông D, bà T liên đới trả số tiền vay ngày 18/8/2015 là 29.000.000 đồng và phía bị đơn đồng ý. Nên, căn cứ vào Điều 299, Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bị đơn liên đới trả là 29.000.000 đồng.

[2] Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà T, ông D liên đới trả số tiền vay ngày 10/7/2015 là 30.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24 tháng với lãi suất 0,75%, tổng cộng là 35.400.000 đồng. Phía bị đơn bà Phan Thị T đồng ý trả cho bà B số tiền 35.400.000 đồng nhưng không đồng ý cùng ông D liên đới trả nợ.

[3] Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30”; khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung đối với nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, những giao dịch vợ, chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì cần buộc trách nhiệm liên đới với bên còn lại. Qua đó,

trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà T trình bày là vay tiền của bà B để chơi hụi và trang trải cuộc sống gia đình, nhưng sau đó bà T lại trình bày là vay tiền dùng vào mục đích cá nhân nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; qua đó cho thấy lời trình bày của bà T là không thống nhất nên không có cơ sở xem xét.

Thấy rằng, bà T vay tiền của bà B khi mới quan hệ hôn nhân với ông D còn tồn tại, bị đơn cho rằng đã ly thân từ khoảng năm 2012, năm 2013 đến nay nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không chứng minh được mâu thuẫn vợ chồng và bà T thừa nhận về sinh sống tại xã C, huyện Đ để nuôi dưỡng mẹ ruột. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D cùng liên đới với bà T trả nợ vay cho bà B là phù hợp. Đồng thời, tại bản án dân sự sơ thẩm buộc ông D liên đới cùng bà T trả nợ vay cho bà B nhưng ông D cũng không có kháng cáo để từ chối nghĩa vụ nên yêu cầu của bà T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc yêu cầu không buộc bà T, ông D liên đới trả nợ của bà B là không phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy cần hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bị đơn liên đới trả là 29.000.000 đồng. Đồng thời, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.770.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.730.000 đồng theo biên lai thu số 0005812 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005950 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre cho bà Phan Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299, Điều 311, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 305, 471, 474, 476, 478, 298 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bị đơn liên đới trả là 29.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị T;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D.

Buộc bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 35.400.000 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị T và Nguyễn Văn D phải liên đới nộp là 1.770.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị B được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.730.000 đồng theo biên lai thu số 0005812 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho bà Phan Thị T theo biên lai thu số 0005950 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Kim Cửa

Thẩm phán

Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng

Nguyễn Kim Tư

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

